

Bản án số: 77/2024/DS-ST

Ngày: 16/4/2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lưu Đức Quang

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số: 492/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/HPT- DS ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trụ sở: X Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông M- Giấy ủy quyền số: 2388/2024/GUQ-TGD12, ngày 15/4/2024 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú tại: X, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: XTrần Minh Quyền, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng), các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 25/11/2019, Ông T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng; loại thẻ: Visa; số thẻ: 436438 – 3433; ngày ký: 25/11/2019; lãi suất áp dụng: 2,4%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 138.000.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 84.950.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/08/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là

62.948.833 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại); cụ thể là: 3.6% (2.4% x 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông T:

Buộc ông T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/04/2024 là 163.415.703 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng) trong đó: Nợ gốc: 62.948.833 đồng, lãi quá hạn: 100.466.870 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/04/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông T đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Ngân hàng thương mại cổ phần S cho ông T mở thẻ tín dụng để tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại Quận 10, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có giấy ủy quyền cho ông M đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông M; tại

phiên tòa ngày hôm nay, ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Theo xác minh của Công an xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội thì ông T, sinh năm 1983 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: x, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội nhưng từ năm 2010 đã vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Trong hồ sơ tín dụng thì ông T là Giám đốc- Đại diện pháp luật công ty TNHH N có trụ sở tại địa chỉ: X Trần Minh Quyền, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là tại: X Trần Minh Quyền, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo qui định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án xét xử: Buộc ông T phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/04/2024 là 163.415.703 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng) trong đó: Nợ gốc là: 62.948.833 đồng, lãi quá hạn là: 100.466.870 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/04/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng; là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông T phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/04/2024 là 163.415.703 (Một trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, bảy trăm lẻ ba) đồng; trong đó: Nợ gốc là: 62.948.833 đồng, lãi quá hạn là: 100.466.870 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/04/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng

Án phí dân sự sơ thẩm: 8.170.785 (Tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm tám mươi lăm) đồng, ông T chịu.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 1.785.230 (Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi) đồng cho Ngân hàng S, theo biên lai thu số AA/2019/0049918 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Tuấn

